TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2024
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Mai Văn Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 729/2023/TLST- HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm: 1982; địa chỉ: ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1979; địa chỉ: ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T, trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ph do cha mẹ hai bên mai mối tổ chức lễ cưới vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt nên chị và anh Ph đã sống ly thân từ năm 2021. Nay chị và anh Ph không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph.

Về con chung: Chị và anh Ph có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 28/10/2005. Hiện cháu Phát đã trưởng thành, cháu Lộc đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc (xem xét theo nguyện vọng của con), không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng. Riêng cháu Phát đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Ph không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến trình bày của chị đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ph do mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Thành,. huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Chị T cho rằng giữa chị và anh Ph chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc. Kể từ khi khởi kiện đến nay anh Ph cũng không có liên hệ với chị T để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nên xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh Ph là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh Ph có có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 28/10/2005. Hiện cháu Phát đã trưởng thành, cháu Lộc đang sống cùng chị. Anh Ph không có ý kiến gì về con chung và không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối gì về việc xác định con chung của chị T nên có căn cứ để chấp nhận giữa chị T và anh Ph có hai con chung. Do cháu Lộc hiện đã trên 7 tuổi nên xét theo nguyện vọng của con, cháu Lộc có ý kiến sống với chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Nguyễn Hoàng Lộc cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ph không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Riêng cháu Phát đã trưởng thành, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Ph cũng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, được quyền nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Ph nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và anh Ph với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Ph với tư cách là bị đơn trong vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Ph nhưng không thực hiện được do anh Ph không có mặt tại nhà vì đi làm ở xa. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng trên theo quy định của pháp luật để anh Ph biết được thông tin cũng như yêu cầu của chị T và có ý kiến phản hồi nhưng anh Ph không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến và vắng mặt qua các lần công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên Tòa xét xử không có lý do. Chị T với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị T, anh Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Ph qua mai mối và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh, chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Ph phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân được chị T xác định do vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm lẫn nhau, mâu thuẫn trong vấn đề tiền bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn hạnh phúc. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và đã ly thân nhau từ năm 2021. Riêng anh Ph không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Xét thấy, kể từ thời điểm chị T gửi đơn tại Tòa, chị xác định đã không còn chung sống vợ chồng với anh Ph từ năm 2021 nên có đủ căn cứ để chứng minh đời sống vợ chồng của anh, chị không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Chị T và anh Ph đã không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ph là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn anh Ph.

[2.2] Về con chung: Chị T xác định chị và anh Ph có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 28/10/2005. Anh Ph không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà chị T cung cấp là giấy khai sinh của cháu Lộc, cháu Phát thể hiện chị T và anh Ph là cha mẹ của các cháu. Từ đó, có cơ sở để xác định cháu Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 28/10/2005 là con chung của chị T, anh Ph. Cháu Phát hiện đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Xét yêu cầu của chị T về việc yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu Lộc đang sống với chị T, cháu phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần và bản thân anh Ph cũng không có ý kiến cho rằng chị T nuôi con không tốt. Đến thời điểm xét xử, không có tài liệu chứng cứ nào xác định chị T không đủ điều kiện để nuôi con. Mặc khác, cháu Lộc cũng có ý kiến được sống cùng chị T. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Ph được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Ph cũng không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các bên có tranh chấp thì xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002307 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Do Âu Minh Khang nộp thay). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Lộc, sinh ngày 18/12/2008 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Lộc. Riêng con chung Nguyễn Văn Phát, sinh ngày 28/10/2005 đã trưởng thành. Anh Nguyễn Văn Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Ph được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét do không yêu cầu.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm buộc chị Hà Thị T phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002307 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng (Do Âu Minh Khang nộp thay). Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày được tính kể từ ngày các đương sự nhận được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CQTHA huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Dương Văn Hôm